

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119/2024/HS-PT**

Ngày: 28/06/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các thẩm phán: Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Trần Minh Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Phương Đông** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 83/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 04 năm 2024 đối với bị cáo Võ Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Thị T**; sinh ngày 09 tháng 03 năm 1969, tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số 967 đường Nguyễn Lương B, phường Hòa Hiệp N, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ T2 và bà Lê Thị L (*đều đã chết*); Có chồng là Bùi Quốc D và có 01 sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/01/2018, UBND thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu. Đã nộp phạt ngày 06/02/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/4/2023 đến ngày 18/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị T- Luật sư **Thái Quốc V** thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 00 phút ngày 15/4/2023, Tổ tuần tra lực lượng Cảnh sát kinh tế Công an quận C đang tuần tra khu vực ngã ba Tôn Đức T – Nguyễn Huy T, phường Hòa M, quận C, thành phố Đà Nẵng thì phát hiện xe máy nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu đen mang BKS 43F1-438.69 do Võ Thị T điều khiển có chở một gói nilon màu đen đi về hướng tạp hóa Trâm A (*địa chỉ: số 49 đường Nguyễn Huy T, phường Hòa M, quận C, TP Đà Nẵng*) nghi là thuốc lá điều ngoại nhập lậu. Vì vậy, tổ công tác tiến hành yêu cầu dừng phương tiện và kiểm tra hành chính đối với T. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện bên trong bao nilon màu đen có chứa tổng cộng 210 (*Hai trăm mười*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các nhãn hiệu khác nhau.

* *Tang vật tạm giữ gồm: 100 (một trăm) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 ORIGINAL; 100 (một trăm) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE SPECIAL; 10(mười) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 MANDARIN; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu đen đỏ BKS 43F1-438.69; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại TA1272 màu xám; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại Ren04 màu trắng; 01(một) cuốn sổ ghi chép.*

- Tiền Việt Nam: 51.200.000 đồng (*năm mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*)

T khai nhận 210 (*hai trăm mười*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nói trên để giao cho tạp hóa Trâm A (*địa chỉ 49 Nguyễn Huy T, phường Hòa M, quận C*) do Nguyễn Thị Trâm A làm chủ để bán kiếm lời.

Căn cứ vào nội dung vụ việc và lời khai của Võ Thị T, Công an quận C, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành khám xét theo thủ tục hành chính nơi ở tại địa chỉ số 967 Nguyễn Lương B, phường Hòa Hiệp N, quận C, TP Đà Nẵng của T thì phát hiện có 2.250 (*Hai ngàn hai trăm năm mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu.

Tang vật tạm giữ gồm: 400 (*bốn trăm*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE CHANGE; 200 (*hai trăm*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE LIGHTS; 330 (*ba trăm ba mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 GOLD; 20 (*hai mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 MANDARIN; 50 (*năm mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 ORIGINAL; 1.000 (*một nghìn*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu JET loại Special Blend; 140 (*một trăm bốn mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu CAPRI loại Superslim menthol; 10 (*mười*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE SPECIAL GOLD; 100 (*một trăm*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE CHANGE DOUBLE;

Quá trình làm việc, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan CSĐT Công an quận C thành phố Đà Nẵng đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Võ Thị T.

Từ lời khai của Võ Thị T, Cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét theo thủ tục hành chính tại tiệm tạp hóa Trâm A. Qua kiểm tra, Cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Đà Nẵng phát hiện tại địa chỉ này đang cất giấu 2.439 (*hai ngàn bốn trăm ba mươi chín*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nên đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Trâm A.

Tang vật tạm giữ gồm: 473 (*bốn trăm bảy mươi ba*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu JET; 346 (*ba trăm bốn mươi sáu*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 GOLD; 128 (*một trăm hai mươi tám*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 MANDARIN; 81 (*tám mươi một*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 SIGNATURE; 47 (*bốn mươi bảy*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu 555 ORIGINAL; 329 (*ba trăm hai mươi chín*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE CHANGE; 373 (*ba trăm bảy mươi ba*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE SPECIAL GOLD; 241 (*hai trăm bốn mươi một*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE METHOL; 100 (*một trăm*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE CLASSIC; 57 (*năm mươi bảy*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ESSE LIGHT; 224 (*hai trăm hai mươi tư*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu ZEST MARULA; 40 (*bốn mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu nhãn hiệu CAPRI; 02(*hai*) đầu ghi hình camera; 01(*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone8; 01(*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1235;

Qua làm việc Nguyễn Thị Trâm A khai nhận: Đầu tháng 4 năm 2023, Anh có mua 850 (*tám trăm năm mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các nhãn hiệu gồm: JET, 555 MANDARIN, 555 SIGNATURE, ESSE LIGHT, 555 ORIGINAL từ Võ Thị T. Ngoài ra, đối với các loại thuốc lá điều ngoại nhập lậu còn lại được Anh mua từ những người (*không rõ lai lịch*) đến cửa hàng tạp hóa của Anh chào bán và Anh mua lại nhằm mục đích kiếm lời.

Như vậy, tổng số lượng thuốc lá điều ngoại nhập lậu của Võ Thị T là 3.320 (*ba ngàn ba trăm hai mươi*) bao, Nguyễn Thị Trâm A là 2.439 (*hai ngàn bốn trăm ba mươi chín*) bao.

Ngày 17/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an quận C, có Quyết định Trưng cầu giám định số 80/QĐ-TCGD về việc trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng giám định chủng loại, nguồn gốc, xuất xứ của toàn bộ 4.899 (*bốn ngàn tám trăm chín mươi chín*) bao thuốc lá ngoại nhập lậu, các loại đã tạm giữ.

Ngày 21/4/2023, Phân viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng có Kết luận giám định số 757/KL-KTHS xác định 4.899 (*bốn ngàn tám trăm chín mươi chín*) bao thuốc lá điều nói trên là do nước ngoài sản xuất, không phải là thuốc lá được sản xuất tại Việt Nam.

Quá trình điều tra vụ án, T khai nhận mua số lượng thuốc lá nói trên từ một người phụ nữ tên Hiền có tên thường gọi là Hiền L (*Thị trấn Lăng C, huyện Phú L, tỉnh Thừa Thiên Huế*), sau đó T vận chuyển về nhà cất giữ rồi đem đi chào bán tại các quán cà phê, tiệm tạp hóa trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng nhằm mục đích kiếm lời.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 27/2/2024 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thị T phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”

Về hình phạt: Căn cứ điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 190; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị T 05 (*năm*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bị cáo Nguyễn Thị Trâm A (*nhưng bị cáo này không có kháng cáo, và bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm*), về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 07/3/2024, bị cáo Võ Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin HĐXX cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, để có ít thời gian đi cải tạo tốt, sớm được về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Thị T có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn luật định, nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 27/2/2024 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Võ Thị T về tội “*Buôn bán hàng cấm*” với tình tiết định khung tại điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo, trên cơ sở đó xử phạt bị cáo 05 (*năm*) năm tù là phù hợp. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện nộp số

tiền 20.200.000đ (*Hai mươi triệu, hai trăm ngàn đồng*) theo quyết định của Bản án sơ thẩm, đây là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, tình tiết này cũng không làm thay đổi về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Thái Quốc V người bào chữa cho bị cáo Võ Thị T có quan điểm luận cứ bào chữa như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị T về tội “*Buôn bán hàng cấm*” với tình tiết định khung quy định tại điểm e khoản 2 Điều 190 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật, nên không có tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt chưa xem xét một cách khách quan toàn diện vụ án, bởi lẽ, sau khi bị bắt quả tang, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên bị cáo T tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để phát hiện ra người phạm tội là bị cáo (*Trâm A*) trong vụ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS mà bị cáo T được hưởng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khi quyết định hình phạt là gây bất lợi cho bị cáo, mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp số tiền 20.200.000đ (*Hai mươi triệu, hai trăm ngàn đồng*) theo quyết định của Bản án sơ thẩm, số lượng thuốc lá điều bị cáo buôn bán chỉ vượt trên mức khởi điểm của điều luật truy tố, bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con bị bệnh tự kỷ bẩm sinh, là người lao động chính trong gia đình. Trên cơ sở đó, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có ít thời gian để học tập, cải tạo tốt, sớm được về với gia đình làm ăn nuôi con nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo Võ Thị T đã khai nhận: Lúc 18 giờ ngày 15/4/2023 bị cáo có vận chuyển 210 (*hai trăm mười*) bao thuốc lá điều ngoại nhập gồm nhiều loại khác nhau đến quán tạp hóa Trâm A để giao bán lại nhằm mục đích kiếm lời, tuy nhiên, trên đường đi thì bị lực lượng Công an quận C, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt giữ, thu giữ tang vật, sau đó Công an tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo tiếp tục thu giữ thêm 2.250 (*hai ngàn hai trăm*

năm mươi) bao thuốc lá điều ngoại nhập các loại mà trước đó bị cáo mua của một đối tượng có tên Hiền L (*tại thị trấn Lăng C, huyện Phú L, tỉnh Thừa Thiên Huế*) cất giấu tại nhà với mục đích bán kiếm lời nhưng chưa bán hết thì bị thu giữ, sau khi bị bắt giữ bị cáo hợp tác với cơ quan Công an khai ra Nguyễn Thị Trâm A cũng là người có hành vi mua bán thuốc lá điều ngoại nhập gồm nhiều loại như bị cáo đã được xét xử trong cùng vụ án.

Vì vậy, bị cáo thừa nhận, Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 27/2/2024 của Tòa án nhân dân quận C, TP phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo và Nguyễn Thị Trâm A về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo Điều 190 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm do nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo chưa nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội của mình, nên khai báo chưa trung thực, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 (*năm*) tù là quá nghiêm khắc, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo xin thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho hành vi của mình, hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, con bị bệnh tự kỷ bẩm sinh từ nhỏ, phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, bị cáo kính xin HĐXX mở lượng khoan hồng, xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có ít thời gian, cải tạo tốt, sớm đoàn tụ với gia đình, làm ăn nuôi con.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Võ Thị T, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chế độ độc quyền của nhà nước trong hoạt động kinh doanh và lưu thông hàng hóa trên thị trường đối với một số loại hàng cấm (*trong đó có thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất*), vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[2.2] Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo chưa nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội của mình, nên khai báo không trung thực, còn quanh co, né tránh về hành vi phạm tội của mình đối với số lượng 850 (*tám trăm năm mươi*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu mà trước đó bị cáo đã bán cho tiệm tạp hóa Trâm A (*khi cơ quan Công an tiến hành khám xét thu giữ tại tiệm tạp hóa Trâm A*), vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt cho bị cáo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá, một cách khách quan toàn diện của vụ án, trong đó bị cáo là người bị bắt quả tang khi đang vận chuyển số lượng 210 (*Hai trăm mười*) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các nhãn hiệu khác nhau đi bán, còn bị cáo Trâm A (*cùng xét xử trong vụ án*) là do chính bị cáo tích cực hợp tác cùng với cơ quan Công an trong việc phát hiện

tội phạm (*bị cáo Trâm A*) trong quá trình giải quyết vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng để áp dụng khi quyết định hình phạt, song tình tiết giảm nhẹ này Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng là có thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật, nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung áp dụng cho phù hợp với quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng đã tự nguyện nộp số tiền 20.200.000đ (*Hai mươi triệu, hai trăm ngàn đồng*) theo quyết định của Bản án sơ thẩm (*gồm tiền phạt và án phí*), mặc khác, số lượng thuốc lá điều bị cáo buôn bán chỉ vượt trên mức khởi điểm của điều luật truy tố, bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con bị bệnh tự kỷ bẩm sinh từ nhỏ, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là những tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS khi quyết định hình phạt cho bị cáo, qua đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật XHCN.

[3] Xét luận cứ bào chữa của luật sư người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa cấp phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS để chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo là phù hợp với phần nhận định của HĐXX tại tiểu mục [2.2] nêu trên nên ghi nhận.

[4] Đối với số tiền 20.200.000đ (*Hai mươi triệu, hai trăm ngàn đồng*) bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận C thành phố Đà Nẵng thì tiếp tục quy trừ, tạm giữ nhằm đảm bảo việc thi hành án.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] *Về án phí*: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Võ Thị T**; sửa Bản án sơ thẩm.

II. Căn cứ: Điểm e khoản 2 Điều 190; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thị T: 03 (năm)** tù về tội **“Buôn bán hàng cấm”**. nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2023 đến ngày 17/8/2023 là (04 tháng, 02 ngày), thời hạn tù còn lại buộc bị cáo **Võ Thị T** phải chấp hành là: **02 (hai)** năm, **07(bảy)** tháng **28 (hai mươi tám)** ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

III. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 BLHS.

3.1. Tiếp tục quy trừ tạm giữ số tiền **20.200.000đ (Hai mươi triệu, hai trăm ngàn đồng)** của bị cáo nộp theo BL thu tiền số 1716 ngày 19/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C thành phố Đà Nẵng nhằm đảm bảo việc thi hành án.

IV. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Võ Thị T không chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

VI. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận C;
- VKSND quận C;
- CQCSĐT Công an quận C;
- Tòa án nhân dân quận C;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyên

